

Bài tập chương 2

Bài 3: Một công ty thương mại có tình hình kinh doanh tháng 6/N như sau: (Đơn vị tính: 1.000đ)

1. Tình hình mua hàng hóa và dịch vụ trong tháng:

- Nhập khẩu một lô hàng A với giá nhập khẩu 4.000.000.
- Mua một lô hàng B để xuất khẩu với giá mua chưa thuế GTGT

5.000.000.

- Nhập khẩu một TSCĐ với giá trị 600.000

2. Tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trong tháng

- Doanh thu tiêu thụ mặt hàng A là 6.500.000
- Doanh thu tiêu thụ mặt hàng B là 8.000.000 trong đó doanh thu hàng

xuất khẩu là 70%, số còn lại doanh thu bán hàng trong nước.

- Xuất khẩu ủy thác lô hàng C với tổng giá trị xuất khẩu 12.000.000, hoa hồng được hưởng là 5% tính trên giá trị hàng xuất khẩu.

Yêu cầu: Tính thuế GTGT bất:

- Mặt hàng B chịu thuế TTĐB với thuế suất 20%
- Trong tháng, hợp đồng xuất khẩu đã thực hiện được 70% giá trị hợp đồng, hoa hồng ủy thác được thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng.
- Thuế nhập khẩu đối với mặt hàng A là 20%, thuế nhập khẩu TSCĐ là 5%.

- Thuế xuất khẩu đối với hàng B là 10%, đối với hàng C là 5%

- Thuế giá trị gia tăng của các mặt hàng và hoa hồng ủy thác là 10%

Bài 4: Một nông trường trồng và chế biến chè có số liệu như sau:

1. Nông trường xuất bán 20 tấn chè đã qua sơ chế khô cho nhà máy chế biến chè thuộc Bộ công thương, giá bán là 80 triệu/tấn.

2. Xuất bán trong nước 5 tấn chè đã qua chế biến, giá bán 40 triệu/tấn.

3. Xuất khẩu 10 tấn chè ra nước ngoài, giá xuất khẩu 120 triệu/tấn.

4. Ủy thác cho Công ty XNKA xuất khẩu 3 nghìn hộp chè, giá bán 35.000/hộp.

5. Nông trường có một cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm đóng trên cùng một quận do cùng một cơ quan quản lý thuế. Trong tháng nông trường xuất cho cửa hàng 10 nghìn hộp chè và 150kg chè đã qua chế biến. Cửa hàng đã bán được 8000 hộp chè với giá 35.500đ/hộp và 140.000kg chè đã qua chế biến với giá 144.000đ/kg. Ngoài ra cửa hàng còn kinh doanh một số mặt hàng khác. Doanh số bán các mặt hàng này trong tháng là 140.000.000đ, giá mua vào trên hóa đơn của các mặt hàng này là 109.000.000đ.

Yêu cầu:

Tính số thuế GTGT phải nộp trong tháng biết rằng:

- Thuế suất thuế GTGT của sản phẩm chè đã qua chế biến là 10%, đối với các mặt hàng khác là 10%.
- Nông trường nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá bán nói trên là giá chưa có thuế GTGT.
- Tổng số thuế GTGT của hàng hóa vật tư mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, chế biến chè trong kỳ là 330.200.000đ. Đơn vị không hạch toán riêng được số thuế đầu vào cho từng loại sản phẩm.
- Mặt hàng khác đơn vị mua của một đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT có sử dụng hóa đơn bán hàng.

Bài 5: Tại một DN DRNSXKR tính VAT theo phương pháp khấu trừ, có các tài liệu như sau:

1. Xuất kho bán một lô hàng trị giá xuất kho 80.000.000đ, giá bán chưa có thuế 90.000.000đ (thuế GTGT 10%) để đổi lấy một lô hàng trị giá mua chưa có thuế 75.000.000, thuế GTGT 5%, hàng về nhập kho đủ, phân chênh lệch đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

2. Mua 5000 sản phẩm B với giá đã có thuế GTGT 10% là 66.000đ/sp, 2000 sp B với giá chưa có thuế GTGT là 61.000đ/sp. Trong kỳ DN xuất khẩu 4000 sản phẩm ra nước ngoài theo giá FOB 8000đ/sp, số còn lại được bán trong nước với giá chưa thuế GTGT là 70.000đ/tháng.

3. Mua 6000 sản phẩm C của DN chế xuất với giá 100.000đ/sp, thuế nhập khẩu 10%, thuế GTGT 10%, đồng thời mua 2000 sản phẩm C của công ty Tuấn Minh với giá chưa có thuế GTGT là 102.000đ/sp. Trong kỳ, DN bán được toàn bộ sản phẩm nói trên theo giá bán chưa thuế GTGT là 120.000đ/sp.

4. Xuất kho bán một lô sản phẩm dùng để trả lương cho CBNV giá vốn 50.000.000, biết giá bán sản phẩm này trên thị trường này là 60.000.000, chưa bao gồm thuế GTGT 10%.

5. Xuất bán trả góp một lô hàng theo hoá đơn GTGT:

- Giá bán trả ngay chưa có thuế GTGT 10%: 55.000.000
- Giá bán trả góp: 58.000.000
- Tiền mặt thu được tại thời điểm bán là 18.000.000 đã nhập quỹ, thời

hạn trả góp trong vòng 6 tháng.

6. Nhận bán đại lý 500 chiếc hàng E.

- Giá bán chưa có thuế GTGT 200.000/chiếc.
- Hoa hồng đại lý 3%
- Thuế GTGT của hàng hóa và dịch vụ đại lý 10%.
- Trong kỳ, DN đã bán được 450 chiếc, tuy nhiên hóa đơn của hoa hồng đại lý mới ghi 400 chiếc.

7. Nhập khẩu một lô hàng hóa từ Nga với giá CIF Hải Phòng là 10.000USD, lô hàng này chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là 45%, chịu thuế nhập khẩu là 25%, thuế GTGT 10%. Lô hàng này đã hoàn thành thủ tục Hải quan và được giảm thuế 20%, tỷ giá sử dụng là 17.000.

8. Xuất khẩu một lô sản phẩm dùng cho văn phòng công ty trị giá xuất kho 30.000.000, biết rằng giá bán của sản phẩm đó trên thị trường 40.000.000, thuế GTGT 10%.

9. Doanh nghiệp tiến hành cho thuê TSCĐ trong vòng 6 tháng nguyên giá 300.000.000, tiền thuê thu được một lần ngay từ đầu kỳ cả thuế GTGT 10% là 11.000.000 bằng tiền mặt.

10. Nhập khẩu ủy thác 1.500m vải cho công ty Đức Minh, giá tính thuế nhập khẩu 50.000đ/m. Trong quá trình vận chuyển xếp đống, vải bị hư hại chất lượng giảm 30% (hàng còn trong khu vực hải quan quản lý), hải quan chấp nhận giảm thuế nhập khẩu. Thuế suất thuế NK vải: 50% thuế suất thuế GTGT vải 10%.

Yêu cầu: Tính số thuế GTGT mà doanh nghiệp phải nộp.

Bài tập chương 3

Bài 1: Một đơn vị sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tài liệu sau:

- Nhập kho 4.000 sản phẩm A, 5.000 sản phẩm B.
- Xuất kho 2.000 sản phẩm A và 2.500 sản phẩm B bán cho công ty thương mại với giá bán chưa bao gồm thuế GTGT là 10.800đ/ sp A và 16.200đ/sp B.
- Xuất kho 1.000 sản phẩm A và 500 sản phẩm B bán lẻ tại các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, giá thanh toán 12.540đ/sản phẩm A và 19.305đ/sản phẩm B.

Yêu cầu:

1. Tính thuế GTGT và thuế TTĐB phải nộp trong kỳ biết rằng:
 - Thuế suất thuế TTĐB đối với sản phẩm A và B lần lượt là 20% và 35%.

- Thuế suất thuế GTGT của cả hai sản phẩm là 10%.
- Đơn vị không có nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.

2. Hãy tính lại thuế GTGT và thuế TTDDDB phải nộp nếu trong kỳ đơn vị đã mua 10.000kg nguyên vật liệu thuộc diện chịu thuế TTĐB 30% để sản xuất ra 5.000 sản phẩm A với giá mua chưa thuế GTGT 10% là 2.600đ/kg.

Bài 2: Tại một DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trong kỳ tính thuế có tài liệu sau:

1. DN mua 300kg nguyên vật liệu trong nước với giá mua chưa thuế GTGT là 11.600đ/kg, biết nguyên vật liệu này thuế TTĐB 45%, thuế GTGT là 10%. Từ 80% nguyên vật liệu này, trong kỳ DN đã sản xuất ra 1.000 sản phẩm X cũng chịu thuế TTDDDB. Số sản phẩm này đã được bán hết với giá chưa thuế GTGT 28.600đ/sp, thuế suất thuế TTĐB 30%, thuế GTGT 10%, DN chưa thu tiền.

2. Nhập khẩu một lô hàng A từ Canada với giá CIF, Hải phòng là 12.500USD lô hàng này chịu thuế TTĐB với thuế suất 20%, thuế NK 45%. Lô hàng này đã hoàn thành thủ tục hải quan, tỷ giá sử dụng là 1 USD=20500VNĐ.

3. DN xuất 200 sản phẩm dùng để thanh toán tiền mua lô hàng đã nhập kho kỳ trước (đều chịu thuế TTĐB), tại thời điểm xuất kho, giá của sản phẩm cùng loại bán ra thị trường chưa VAT là 79.750đ/sp, thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 45% (biết NVL dùng để sản xuất ra sản phẩm này không chịu thuế TTĐB, mà chịu thuế GTGT).

4. DN mua 10.000 chai rượu vang nho 11độ của công ty Anpha. Giá thanh toán 55.000đ/chai. Dự định xuất khẩu toàn bộ theo hợp đồng đã ký, nhưng thực tế chỉ xuất khẩu được 7.000 chai giá FOB cả lô hàng là 35.00 USD. Tỷ giá hối đoái 21.400đ/1USD. Thuế xuất khẩu 10%. Số còn lại bán trong nước với giá thanh toán 79.750đ/chai.

5. Bán toàn bộ lô hàng A trong nước với giá 2.600.000.000 chưa bao gồm thuế GTGT cho công ty Quang Minh.

6. Nhập khẩu 3.000 sản phẩm X để sản xuất sản phẩm Y, giá nhập khẩu theo giá CIF là 12.000đ/sp, thuế nhập khẩu 25% thuế TTĐB 45%, thuế GTGT 10%. Trong kỳ, DN đã xuất 70% sản phẩm A để sản xuất ra 250.000 sản phẩm B chịu thuế GTGT là 91.000đ/sp.

7. Nhập khẩu 1.500 chai rượu, giá FOB: 30 USD/chai, I&F: 200.000đ. Thuế suất thuế NK rượu: 100%, thuế suất thuế TTĐB rượu: 30%, tỷ giá hối đoái 21.300đ/sp.

Yêu cầu: Tính các loại thuế mà DN phải nộp trong kỳ.

Bài 3: Tại DN trong kỳ tính thuế có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Nhập khẩu một TSCĐ, giá FOB/Hải Phòng quy đổi ra đồng Việt Nam là 620.000.000đ, chi phí vận chuyển và bảo hiểm của TSCĐ này là 40.000.000đ, thuế nhập khẩu 10%, thuế GTGT 5%.

2. Nhập khẩu 10.000kg nguyên vật liệu với giá CIF/Hải Phòng 64.000đ/kg, thuế nhập khẩu 40%, thuế TTĐB 45%, thuế GTGT 10%.

3. Mua nguyên vật liệu phụ trong nước với giá mua chưa thuế GTGT 10% là 350.000.000đ.

4. Từ những nguyên vật liệu trên, doanh nghiệp đã sản xuất được 150.000 sản phẩm A thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 30%.

5. Xuất khẩu ra nước ngoài 50.000 sản phẩm A theo giá xuất khẩu là 350.000.000đ.

6. Bán cho doanh nghiệp thương mại C 60.000 sản phẩm A với giá bán chưa thuế GTGT là 341.250đ/sp.

7. Bán 30.000 sản phẩm A cho doanh nghiệp chế xuất với giá bán 250.000.000.

Yêu cầu: Xác định các khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp trong kỳ biết thuế suất thuế xuất khẩu 5%.

Bài 4: Tại DN X trong kỳ tính thuế có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Nhập khẩu một TSCĐ, giá CIF/Hải Phòng là 620 triệu đồng, TSCĐ này được miễn thuế nhập khẩu, thuế GTGT 5%.
2. Nhập khẩu 20.000kg nguyên vật liệu chính với giá CIF/Hải Phòng 25.000đ/kg để sản xuất sản phẩm A, thuế nhập khẩu 65%, thuế TTĐB 40%, thuế GTGT 10%.
3. Mua nguyên vật liệu phụ trong nước để sản xuất cả sản phẩm A và sản phẩm B với giá mua đã có thuế GTGT 10% là 792 triệu đồng. Tỷ lệ nguyên vật liệu phụ để sản xuất sản phẩm B là 60%.
4. Mua nguyên vật liệu chính từ doanh nghiệp chế xuất để sản xuất sản phẩm B với giá 500 triệu đồng, thuế nhập khẩu 20%.
5. Từ những nguyên vật liệu trên, doanh nghiệp đã sản xuất được 280.000 sản phẩm A thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10%, thuế TTĐB 30%, 440.000 sản phẩm B thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10%.
6. Bán cho doanh nghiệp chế xuất 70.000 sản phẩm A với giá 150.000đ/sp và 220.000 sản phẩm với giá 35.000đ/sp.
7. Xuất bán ra nước ngoài 35.000 sản phẩm A theo giá CIF là 153.000đ/sp, I&F là 3.000đ/sp và 55.000 sản phẩm B theo giá FOB là 34.000đ/sp.
8. Bán cho các công ty thương mại trong nước 35.000 sản phẩm A với giá bán chưa thuế GTGT là 97.500đ/sp.

Yêu cầu: Xác định các khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp trong kỳ biết thuế suất thuế xuất khẩu của sản phẩm A và B lần lượt là 5% và 6%.

Bài tập chương 4

Bài 1: Trong kỳ tính thuế của một công ty thương mại nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tài liệu sau:

1. Trục tiếp xuất khẩu lô hàng hóa A gồm 500 sản phẩm theo giá FOB 3USD/sp, tỷ giá 1USD=21.000VNĐ.
2. Nhận nhập khẩu ủy thác một lô hàng hóa B với tổng giá trị mua theo giá FOB 30.000 EUR, tỷ giá 1 EUR=27.500 VNĐ, I&F chiếm 10% giá FOB.
3. Nhập khẩu 2.000 sản phẩm C, giá hợp đồng theo giá FOB là 8USD/sp, I&F là 0,5USD/sp, tỷ giá tính thuế là 1USD=21.100VNĐ.
4. Trục tiếp xuất khẩu 8.000 sản phẩm D theo giá CIF là 5GBP/sp, I&F là 5.000VNĐ/sp, tỷ giá tính thuế GBP=29.500VNĐ.
5. Nhập khẩu một lô nguyên vật liệu E để gia công cho phía nước ngoài theo hợp đồng gia công đã ký, trị giá lô hàng theo giá CIF quy đổi ra tiền Việt Nam là 500.000.000.

Yêu cầu: Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu mà doanh nghiệp phải nộp biết: Thuế suất thuế xuất khẩu của mặt hàng A, D lần lượt là 5% và 10%. Thuế suất thuế nhập khẩu của mặt hàng B, C, E lần lượt là 10%, 20%, 30%.

Bài 2: Trong kỳ tính thuế của một công ty kinh doanh xuất nhập khẩu nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tài liệu sau:

1. Nhập khẩu 20.000 sản phẩm F theo giá CIF quy ra đồng Việt Nam là 50.000đ/sp. Theo biên bản giám định của các cơ quan chức năng thì có tới 1.000 sản phẩm bị hỏng toàn do bão trong quá trình vận chuyển ngoài biển, thuế nhập khẩu 30%.

2. Nhập khẩu 10.000 sản phẩm H theo giá CIF là 5 USD/sp. Qua xác định của cơ quan hải quan thấy thiếu 500 sản phẩm, tỷ giá tính thuế là 21.200đ/USD, thuế nhập khẩu 20%.

3. Xuất khẩu 30.000 sản phẩm M, giá xuất tại kho là 500.000VNĐ/sp, chi phí vận chuyển từ kho tới cảng cho cả lô hàng là 12.000.000đ, thuế xuất khẩu 5%.

4. Nhập khẩu từ Mỹ một lô hàng X trị giá CIF quy đổi 3.000.000.000đ. Tại kho hải quan giám định hư hỏng 1/5 lô hàng với mức độ hư hỏng 50%. Thuế suất thuế nhập khẩu của mặt hàng trên là 20%.

5. Xuất khẩu sang Thái Lan một lô hàng trị giá FOB quy đổi là 700.000.000 để thuê gia công. Khi hoàn thành, công ty nhập khẩu trở lại với giá 900.000.000. Biết thuế suất thuế xuất khẩu 5%, nhập khẩu 20%.

Yêu cầu: Xác định số thuế phải nộp trong kỳ

Bài 3: Một công ty thương mại Trường Thành có tình hình kinh doanh tháng 6/N như sau:

1. Tình hình mua tài sản, hàng hóa và dịch vụ trong tháng

- Nhập khẩu một lô hàng A với giá FOB/Tokyo 60.000.000JPY, chi phí vận chuyển đường biển và chi phí bảo hiểm là 2.000.000JPY, thuế nhập khẩu 30% thuế TTĐB 20%, thuế GTGT 10%, tỷ giá 1JPY=250VNĐ.

- Nhập khẩu một TSCĐ phục vụ cho hoạt động SXKD tổng giá trị 20.000USD theo giá tại cảng Hải Phòng, chi phí vận chuyển TSCĐ từ cảng về doanh nghiệp là 8.000.000 chưa bao gồm thuế GTGT 10%, thuế nhập khẩu 50%, thuế GTGT 10%, tỷ giá 1USD=21.000.

- Mua một lô hàng B trong nước với giá mua 8.400.000.000 chưa bao gồm thuế GTGT 10%.

2. Tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trong tháng:

- Doanh thu tiêu thụ mặt hàng A trong nước là 9.000 triệu đồng.

- Doanh thu tiêu thụ mặt hàng B trong nước là 5.000 triệu đồng.
- Doanh thu xuất khẩu mặt hàng B là 600.000 EUR theo giá CIF, thuế xuất khẩu 5%, tỷ giá 1 EUR=27.500VNĐ.

Yêu cầu: Tính các khoản thuế phải nộp.

Bài 4: Trong kỳ tính thuế của một công ty thương mại nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tài liệu sau:

1. Xuất khẩu 12.000 sản phẩm B chịu thuế TTĐB, giá FOB quy đổi ra tiền VNĐ là 43.000đ/sp. Thuế TTĐB 30%. Thuế GTGT 10%. Thuế suất thuế XK sản phẩm B là 5%. Thuế GTGT đầu vào của số sản phẩm này theo hóa đơn mua hàng trong kỳ là 22.200.000đ.
2. Nhận ủy thác nhập khẩu một lô thiết bị đồng bộ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được dùng làm TSCĐ cho một dự án đầu tư, trị giá theo CIF là 1.800.000USD. Lô hàng thiết bị này được miễn thuế nhập khẩu. Hoa hồng ủy thác 3% tính trên giá CIF. Thuế suất thuế GTGT đối với hoa hồng ủy thác là 10%.
3. Nhập khẩu một lô hàng đồ điện dân dụng trị giá lô hàng tính theo giá CIF là 128.000.000 VNĐ(đã quy đổi). Thuế suất thuế NK là 10%. Trong kỳ đơn vị đã tiêu thụ toàn bộ lô hàng trên với tổng doanh thu chưa thuế là 150.000.000VNĐ. Đơn vị sử dụng hóa đơn GTGT hợp lệ.
4. Nhập khẩu 3.000 sản phẩm A theo giá FOB 5USD/sp. Phí bảo hiểm cho cả lô hàng 9.500USD, chi phí vận chuyển đường biển 0,5USD/sp. Chi phí vận chuyển hàng hóa từ cảng về doanh nghiệp 40.000.000. Tỷ giá tính thuế 21.200đ/USD. Thuế nhập khẩu 10%, thuế TTĐB 20%, VAT hàng nhập khẩu 10%.
5. Nhập khẩu 100kg nguyên vật liệu, giá tính thuế nhập khẩu là 80.000đ/kg. thuế nhập khẩu 40%, thuế TTĐB 30% để sản xuất 25.000 sản

phẩm B, trong kỳ cơ sở đã xuất khẩu 150.000 sản phẩm B theo giá FOB là 250.000đ/sp.

6. Xuất khẩu sang Thái Lan một lô hàng trị giá FOB quy đổi là 600.000.000 để thuê gia công. Biết thuế suất thuế xuất khẩu của mặt hàng này là 10%.

7. Mua một lô hàng trong nước, DN đã kê khai xuất khẩu toàn bộ lô hàng này sang Malaysia với giá quy đổi 300 triệu, thuế suất thuế xuất khẩu 5%. Doanh nghiệp đã kê khai nộp thuế xuất khẩu, nhưng vì một lý do khách quan, lô hàng này được bán 2/3 trong nước, còn 1/3 được xuất khẩu sang Thái Lan với giá FOB quy đổi 85 triệu. Doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục hải quan và nộp toàn bộ thuế.

8. Nhập khẩu 70 chiếc máy tính xách tay vào Việt Nam để dự hội trợ triển lãm từ ngày 12/T đến 20/T. Giá CIF quy đổi 30 triệu/1 chiếc. Thời hạn doanh nghiệp XK trở lại Mỹ muộn nhất là ngày 17/T. Ngày 25/T doanh nghiệp xuất khẩu trở lại Mỹ 60 chiếc. Thuế suất thuế xuất khẩu của máy tính 10%, nhập khẩu 30%.

Yêu cầu: Tính các loại thuế mà DN phải nộp, biết 1USD=21.000VNĐ.

Bài 5: Một DNNN kinh doanh XNK có tình hình kinh doanh trong quý I năm 2006 như sau:

1. Mua 500 chiếc hàng X của một cơ sở kinh doanh, đơn giá mua / chưa thuế 10% là 1.500.000đ/chiếc. Đơn vị đã xuất khẩu được 450 chiếc, giá xuất bán theo giá FOB quy đổi VNĐ là 2.300.000đ/chiếc. Số hàng còn lại đơn vị đã bán hết trong nước với giá bán chưa thuế GTGT 1.600.000đ/chiếc.

2. Nhập 500 chiếc tủ lạnh, giá tại cửa khẩu xuất là 250USD/chiếc, chi phí vận tải và bảo hiểm cho toàn bộ lô hàng là 8.000USD, thuế nhập khẩu 30%, thuế GTGT là 10%. Đơn vị đã bán toàn bộ lô hàng này với giá bán chưa thuế GTGT là 7.000.000đ/chiếc.

3. Nhận ủy thác nhập khẩu cho công ty A 2.000 sản phẩm P, giá hóa đơn là 70USD/chai, chi phí vận chuyển, bảo hiểm cho cả lô hàng này là 8.500USD, thuế nhập khẩu 10%, thuế TTĐB 20%, thuế GTGT 10%. Hoa hồng ủy thác 10% trên giá CIF. Thuế GTGT hoa hồng ủy thác.

4. Trong kỳ, DN mua một lô hàng gồm 400 chiếc với đơn giá chưa VAT 10% là 90.000đ/chiếc, đã thanh toán bằng TGNH. DN đã xuất khẩu hết lô hàng này sang Malaysia với giá FOB, Hải Phòng là 15USD/1 sản phẩm, thuế xuất khẩu 5%. Đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu.

5. DN nhập khẩu một lô hàng gồm 150 chiếc, giá mua tại cửa khẩu là giá CIF 100USD/1 chiếc, thuế nhập khẩu 25%, thuế GTGT 10%.

6. DN nhập khẩu 100kg nguyên vật liệu với giá CIF, Hải Phòng là 8USD/1kg, thuế nhập khẩu 20% để sản xuất ra 500 sản phẩm Z. Trong kỳ, DN đã:

- Bán trong nước 200 sản phẩm Z với giá chưa thuế 185.000đ/sp, thuế GTGT 10%, đã thu được tiền qua ngân hàng.
- Xuất khẩu vào khu chế xuất 300 sản phẩm Z với giá quy đổi VND là 213.000đ/1 sản phẩm, thuế xuất khẩu 5%.

7. Nhập khẩu 10.000kg nguyên vật liệu, giá CIF 30.000đ/kg, thuế suất thuế nhập khẩu 30%, thuế suất thuế TTĐB 40%. Doanh nghiệp dùng 70% nguyên vật liệu nói trên để sản xuất 145.000 sản phẩm M. Sau đó bán 70.000 sản phẩm cho doanh nghiệp chế xuất với giá là 500.000đ/sp, thuế suất thuế xuất khẩu 2%.

8. DN mua một lô hàng trong nước với giá mua chưa thuế là 450.000.000đ, thuế GTGT là 10%, DN đã kê khai xuất khẩu toàn bộ lô hàng sang Singapor với giá quy đổi đồng Việt Nam là 580.000.000đ, thuế xuất khẩu 5%, đã nộp thuế xuất khẩu. Nhưng vì một lý do khách quan, lô hàng này được bán 2/3 trong nước với giá 395.000.000đ, thuế GTGT 10%, còn 1/3

được xuất khẩu sang Myanmar với giá FOB, Hải Phòng quy đổi VNĐ là 185.000.000đ, thuế xuất khẩu 5%, đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu.

Yêu cầu: Tính các loại thuế mà đơn vị phải nộp biết rằng: Tỷ giá 1USD=21.200VNĐ.

Bài 6: Tại một công ty sản xuất có tài liệu sau:

- Nhập khẩu 1.000 lít rượu 39 độ để sản xuất ra 250.000 chai rượu Anh Đào 18 độ. Giá tính thuế nhập khẩu là 35.000đ/lít, thuế suất thuế nhập khẩu là 60%.
- Bán trong nước 100.000 chai rượu Anh Đào với đơn giá chưa thuế GTGT 37.500đ/chai.
- Xuất khẩu 135.000 chai theo giá FOB là 32.000đ/chai, thuế xuất khẩu 5%.

Yêu cầu: Tính các khoản thuế phải nộp.

Bài tập chương 5

Bài 1: Một xí nghiệp sản xuất rượu trong năm có tài liệu sau:

- Sản xuất 1 triệu chai rượu hoa quả, tiêu thụ trong kỳ 0,8 triệu chai với giá bán buôn là 7.500đ/chai.
- Tài liệu tổng hợp khoản mục chi phí giá thành sản xuất của số lượng rượu sản xuất trong kỳ:
 - + Nguyên vật liệu trực tiếp 1.850 triệu đồng
 - + Nhân công trực tiếp 1.200 triệu đồng.
 - + Chi phí sản xuất chung 720 triệu đồng
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ 650 triệu đồng.
 - + Chi phí tiêu thụ trong kỳ 472 triệu đồng
 - + Lãi liên doanh trong nước thu được 450 triệu đồng(biết lãi này được chia từ lợi nhuận sau thuế)

+ Doanh thu từ hoạt động cho thuê TSCĐ là 55 triệu đồng

+ Doanh thu từ nhượng bán TSCĐ không cần dùng 45 triệu đồng.

Yêu cầu: Giả sử những khoản chi phí the báo cáo của xí nghiệp là hợp lý, hãy tính các khoản thuế mà xí nghiệp phải nộp biết rằng:

- Xí nghiệp không có sản phẩm tồn kho đầu kỳ
- Thuế suất thuế TTĐB là 20%.
- Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động cho thuê tài sản là 10%, giá trị còn lại của TSCĐ là 7,5 triệu đồng, chi phí khác liên quan đến việc bán tài sản là 2 triệu đồng.
- Tổng thuế GTGT trên các hóa đơn mua vào khác là 105 triệu đồng.
- Thuế suất thuế TNDN là 25%.
- Đơn vị thuộc loại DN có doanh thu tương đối đều đặn hàng tháng nên chi phí quản lý doanh nghiệp được tính cho toàn bộ sản phẩm tiêu thụ trong kỳ.

Bài 2: Một công ty sản xuất Tuấn Minh có tình hình kinh doanh năm N như sau:

1. Tình hình mua tài sản, hàng hóa và dịch vụ trong năm:

- Nhập khẩu lô hàng nguyên vật liệu chính với giá FOB/Tokyo 60.000.000JPY, chi phí vận chuyển đường biển và chi phí bảo hiểm là 2.000.000JPY, thuế nhập khẩu 30%, thuế TTĐB 20%, thuế GTGT 10%, tỷ giá 1 JPY= 250VNĐ.
- Nhập khẩu một TSCĐ phục vụ cho hoạt động SXKD tổng giá trị 20.000USD theo giá tại cảng Hải Phòng, chi phí vận chuyển TSCĐ từ cảng về doanh nghiệp là 8.000.000 chưa bao gồm thuế GTGT, thuế nhập khẩu, thuế GTGT 10%, tỷ giá 1USD=21.000VNĐ.

- Nhập khẩu một lô nguyên vật liệu phụ theo giá tại CIF/Hait Phòng quy đổi ra tiền Việt Nam là 1.500 triệu đồng, thuế nhập khẩu 20%, thuế GTGT 10%.

- Mua một lô hàng B trong nước với giá mua 8.400.000.000 chưa bao gồm thuế GTGT 10%.

2. Tình hình sản xuất trong năm như sau:

Từ những nguyên vật liệu nói trên, doanh nghiệp đã sản xuất ra 200.000 sản phẩm A chịu thuế TTĐB 20%, thuế GTGT 10%.

3. Tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trong năm:

- Bán 150.000 sản phẩm A trong nước với giá bán 144.000đ/sp chưa thuế GTGT 10%.

- Xuất khẩu 50.000 sản phẩm A ra nước ngoài với giá xuất khẩu 140.000đ/sp, thuế xuất khẩu 10%.

- Doanh thu tiêu thụ mặt hàng B trong nước là 5.000 triệu đồng.

- Doanh thu xuất khẩu mặt hàng B là 600.000EUR theo giá FOB, thuế xuất khẩu 5%, tỷ giá 1 EUR=27.500VNĐ.

4. Các doanh thu và chi phí khác phát sinh như sau:

- Chi phí khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng cho các bộ phận 150.000.000.

- Chi phí lương và các khoản khác có tính chất lương 10.000.000.000 trong đó 8.000.000.000 là lương cơ bản. Doanh nghiệp nộp các loại bảo hiểm và kinh phí công đoàn theo đúng chế độ quy định.

- Chi phí điện, nước, điện thoại và các dịch vụ khác bằng 200.000.000

- Chi hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản: 600.000.000.

- Chi ủng hộ đồng bào lũ lụt: 10.000.000.

- Chi trả tiền lãi vay ngân hàng, trong đó số tiền vay 20.000.000.000, lãi suất vay 20%/năm, thời gian vay 3 năm, trả lãi một lần cùng gốc khi đáo hạn.

- Các khoản chi khác được coi là hợp lý 2.000.000.000.

- Chi phạt nộp chậm tiền thuế : 3.000.000.

- Thu nhượng bán TSCĐ không cần dùng, biết TSCĐ có nguyên giá 60.000.000, thời gian sử dụng 5 năm, phương pháp khấu hao đường thẳng, đã khấu hao được 3 năm. Doanh thu nhượng bán 30.000.000 chưa thuế GTGT 10% chi phí nhượng bán 2.000.000.

- Lãi tiền gửi ngân hàng 3.500.000.

- Lãi liên doanh được chia là 400.000.000 (đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại nơi góp vốn).

Yêu cầu: Tính các khoản thuế phải nộp biết thuế suất thuế TNDN và thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ, sổ sách kế toán.

Bài 3: Trong kỳ, tại DN X, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tài liệu như sau:

1. Mua một lô hàng trong nước với giá mua chưa thuế 400.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán. Công ty đã xuất khẩu toàn bộ sang Singapor với giá FOB, Hải Phòng là 36.000 USD, thuế suất thuế XK là 5%, đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu.

2. Nhập khẩu từ quốc gia N 300 chiếc điều hòa nhiệt độ công suất 120.000BTU, giá FOB tại cảng N là 300USD/chiếc, mua bảo hiểm tại công ty bảo hiểm với chi phí bảo hiểm là 1.200 USD cho toàn bộ lô hàng, tiền cước vận tải từ nước N về cảng Sài Gòn trả cho một công ty vận tải nước ngoài 1.050 USD. Đơn vị đã bán được 180 chiếc với giá mua chưa thuế GTGT 16.000.000đ/chiếc (biết thuế nhập khẩu điều hòa là 40%, thuế GTGT điều hòa 10%).

3. Các chi phí và doanh thu khác phát sinh trong kỳ:
- Chi phí tiền lương nhân viên quản lý 12.000.000đ.
 - Lương nhân viên bán hàng 8.000.000đ.
 - Các chi phí khác được coi là hợp lý 297.072.650đ.
 - Chi ủng hộ bảo lũ lụt là 8.000.000đ.
 - Thu từ lãi tiền gửi là 20.000.000đ.
 - Lãi liên doanh được chia là 40.000.000đ (chưa nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại nơi góp vốn).
- Thu từ thanh lý TSCĐ 20.000.000 đ, biết TSCĐ khấu hao hết, chi phí thanh lý TSCĐ chưa thuế GTGT 10% là 2.500.000.

Yêu cầu : Tính các loại thuế mà DN phải nộp biết thuế suất thuế TNDN là 25%, tỷ giá tại thời điểm lập tờ khai hải quan: 1USD=21.100VNĐ.

Bài 4: Một DN A trong năm tính thuế thu nhập có tài liệu sau:

1. Doanh thu bán hàng :9.000.000.000đ, trong đó doanh thu bán hàng chịu thuế TTDB trong nước 3.500.000.000đ.
2. Chi mua vật tư chưa thuế GTGT : 4.500.000.000đ.
3. Khấu hao TSCĐ theo chế độ quy định: 1.100.000.000đ.
4. Các khoản chi cho con người:
 - Tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động theo chế độ quy định 200.000.000đ, đã trả 160.000.000đ, còn nợ người lao động 40.000.000đ.
 - Phụ cấp chức vụ theo lương 10%.
 - Nộp các loại bảo hiểm và trích lập kinh phí công đoàn theo đúng chế độ quy định.
5. Chi cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản: 75.000.000đ.
6. Vật tư tồn kho cuối năm: 200.000.000đ.
Vật tư tồn kho cuối năm: 100.000.000đ.

7. Các khoản chi khác: 100.700.000đ (trong đó có số thuế GTGT được khấu trừ là : 5.000.000đ).

8. Các khoản thuế phải nộp trong năm:

- Thuế môn bài: 3.000.000đ.
- Thuế đất: 2.500.000đ.

9. Thu nhập hoạt động liên doanh với doanh nghiệp B. Doanh nghiệp B đã nộp thuế TNDN: 1.200.000.000đ.

Biết rằng:

- Thuế suất thuế GTGT cho hàng mua vào, bán ra là : 10%.
- Thuế suất thuế TTĐB: 25%.
- Thuế suất thuế TNDN: 25%

Doanh nghiệp không được ưu đãi, không được miễn giảm thuế TNDN và thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ, sổ sách kế toán.

Yêu cầu: Tính thuế TNDN mà DN A phải nộp trong năm.

Bài 5: Một công ty nước ngoài hoạt động thông qua cơ sở thường trú tại Việt Nam trong năm tính thuế TNDN có số liệu sau(triệu đồng).

1. Tổng doanh thu của cơ sở thường trú tại Việt Nam: 12.000.
2. Tổng doanh thu tính thuế TNDN của toàn công ty: 120.000.
3. Các chi phí liên quan đến doanh thu của cơ sở thường trú:
 - Khấu hao TSCĐ theo chế độ quy định: 1.400.
 - Vật tư tiêu hao theo định mức: 4.500.
 - Tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động: 2.500.
 - Chi ủng hộ lũ lụt: 35

chi phí dịch vụ mua ngoài: 1.650 trong đó có 200 là tiền thuê nhà trả trước cho 5 năm; 800 là chi mua sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế được phép phân bổ cho 10 năm.

- Các chi phí khác: 101, trong đó chi cho xây dựng tình nghĩa: 40.

Yêu cầu: Tính số thuế TNDN mà công ty nước ngoài phải nộp tại Việt Nam.

Biết rằng:

- + Doanh nghiệp chịu thuế suất thuế TNDN là 25%
- + Tổng chi phí kinh doanh của toàn công ty là 10.000.
- + Doanh nghiệp không được ưu đãi gì về thuế TNDN.

Bài 6: Trong năm tính thuế TNDN, ở công ty H có tình hình sau(1.000đồng):

I/ Tài liệu kê khai của DN:

1. Tổng doanh thu: 5.570.000.
2. Hàng hóa bị trả lại do kém chất lượng: 70.000
3. Chi phí sản xuất, kinh doanh: 4.510.000
4. Thuế thu nhập cá nhân công ty phải nộp: 120.00
5. Thu nhập khác
 - Chênh lệch về mua bán chứng khoán: 40.000
 - Thu nhaaoj từ chuyển nhượng máy móc: 20.000
 - Thu nhập từ hoạt động liên doanh(đơn vị chia thu nhập đã nộp thuế

TNDN): 107.280

II/ Tài liệu kiểm tra của cơ quan thuế:

1. Toàn bộ hàng hóa bị trả lại công ty đã bán rẻ thu được 42.000
2. Chi phí bán hàng 5.000, hoạt động này công ty không kê khai
3. Trong chi phí sản xuất, kinh doanh đã kê khai có :
 - Trích trước sửa chữa lớn TSCĐ: 55.000, tuy nhiên thực tế phát sinh trong năm là: 50.000
 - Chi sự nghiệp, chi ốm đau: 16.000
 - Chi ủng hộ bảo lũ lụt: 12.000

4. Trong các khoản thu nhập công ty còn có 25.000 là thu nhập từ các hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

5. Tất cả các tài liệu còn lại là chính xác và đầy đủ. Các khoản chi đều có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

Yêu cầu: Tính số thuế TNDN mà công ty phải nộp. Biết rằng: công ty nộp thuế TNDN theo mức thuế suất 25%.

Bài tập chương 6

Bài 1: Ông X là công dân nước ngoài thuộc đối tượng cư trú tại Việt Nam có thu nhập từ tiền làm công trong 8 tháng tại Việt Nam là 160 triệu đồng, 4 tháng còn lại trong năm có thu nhập phát sinh từ nước ngoài là 200 triệu đồng.

a , Tính số thuế phải nộp trong năm của ông X

b , Thu nhập phát sinh ở nước ngoài ông X đó phải nộp 20%/. Xác định số thuế phải nộp ở Việt Nam.

Bài 2: Ông B vào Việt Nam lần đầu tiên làm việc có thu nhập phát sinh từ tiền làm công tại Việt Nam từ 01/5/N. Năm tính thuế đầu tiên của ông B là 01/5/N đến 30/4/N+1. Giả sử từ tháng 01/5/N đến 31/12/N ông có mặt tại Việt Nam là 150 ngày, từ 01/01/N+1 đến 30/4/N+1 ông có mặt tại Việt Nam là 32 ngày.

Vậy ông B thuộc đối tượng nộp thuế nào theo Luật thuế TNCN ở Việt Nam?

Bài 3: Ông Hoàng là cá nhân cư trú, có thu nhập phát sinh trong thu nhập phát sinh trong tháng 1/N như sau: Lương cơ bản: 3.000.000đ, phụ cấp độc hại: 20% lương cơ bản, tiền thưởng: 1.000.000đ/tháng, tiền làm thêm giờ: 3.500.000đ, thưởng chiến sỹ thi đua: 500.000đ, trúng xổ số: 10.000.000đ, nhận thừa kế từ cụ ngoại là 50.000.000đ.

Ông Hoàng có 2 con trai đang học đại học (một con đã được kê khai là phụ thuộc của vợ ông Hoàng). Trong tháng ông Hoàng đã đóng góp vào quỹ từ thiện thành phố là 500.000đ. Tính tổng số TNCN ông Hoàng phải nộp.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Hãy trình bày khái niệm về phí, lệ phí, phí thuộc ngân sách nhà nước, phí không thuộc ngân sách nhà nước?

Câu 2: Hãy trình bày sự khác nhau giữa thuế và phí, lệ phí?

Câu 3: Hãy phân biệt sự khác nhau giữa phí và lệ phí?

Câu 4: Hãy nêu đối tượng chịu lệ phí trước bạ; đối tượng nộp lệ phí trước bạ? Hãy nêu căn cứ tính lệ phí trước bạ và giá tính lệ phí trước bạ?

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com